

BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

NGUYỄN VĂN KHÁNH *

NGUYỄN TUẤN ANH **

Tóm tắt: Sau gần 30 năm đổi mới, cơ cấu xã hội Việt Nam đã có nhiều thay đổi. Biến đổi cơ cấu xã hội đi liền với phân tầng xã hội ngày càng sâu sắc, gia tăng mạnh mẽ bất bình đẳng xã hội. Trước thực tế này, yêu cầu đặt ra là phải có chính sách quản lý, chính sách an sinh và phúc lợi phù hợp nhằm phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước.

Từ khóa: Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội.

1. Mở đầu

Sau gần 30 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua hai dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển. *Thứ nhất*, năm 2007, Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới, mở đầu một giai đoạn hội nhập mới của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu. Trên thực tế, nền kinh tế Việt Nam đã gia tăng mức độ hội nhập quốc tế, với sự hiện diện của các công ty trên thị trường toàn cầu, các công ty đa quốc gia sản xuất hàng hoá ở Việt Nam, và giao dịch tài chính ngày càng quốc tế hoá. Đồng thời, lao động Việt Nam cũng tiến vào thị trường toàn cầu với việc ngày càng nhiều người Việt Nam đến làm việc tại các nước trên thế giới. *Thứ hai*, năm 2010, sau 25 đổi mới, Việt Nam từ một quốc gia nghèo nhất thế giới với thu nhập bình quân đầu người dưới 100 đô la Mỹ đã trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp⁽¹⁾.

Hai chỉ báo quan trọng này không chỉ

chứng tỏ sự phát triển vượt bậc, toàn diện của Việt Nam, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, mà còn chứng tỏ rằng xã hội Việt Nam còn đang chuyển biến nhanh chóng về mặt cấu trúc trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ hiện nay. Thực tiễn đang đặt ra là phải nhận thức sâu sắc quá trình chuyển biến này để có chính sách, giải pháp quản lý phù hợp nhằm giữ vững ổn định xã hội và tiếp tục phát triển đất nước. Bài viết phân tích nội dung và xu hướng của sự biến đổi này và nêu ra một vài gợi ý về mặt chính sách.

2. Biến đổi cơ cấu xã hội

Cơ cấu xã hội hay cấu trúc xã hội (social structure) là mối quan hệ qua lại có trật tự giữa các thành tố khác nhau của một hệ thống xã hội hay một xã

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(**) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1) The World Bank, "Tổng Quan về Việt Nam" (<http://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/overview>).

hội⁽²⁾. Nói đến cơ cấu xã hội/hay cấu trúc xã hội là đề cập đến cách mà các nhóm xã hội cơ bản (hay còn gọi là các bộ phận/các thành phần chủ yếu của một hệ thống xã hội cụ thể) liên hệ/quan hệ với nhau. Thông thường, khi nói đến cơ cấu xã hội, các nhà nghiên cứu chú ý đến các loại cơ cấu xã hội quan trọng/cơ bản như: cơ cấu giai cấp, cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu nhân khẩu, cơ cấu lãnh thổ, cơ cấu dân tộc, cơ cấu tôn giáo.

Biến đổi cơ cấu xã hội hay biến đổi cấu trúc xã hội ở Việt Nam trong đổi mới rất đáng chú ý, nhất là trên hai phương diện. *Thứ nhất* là, sự thay đổi về số lượng và chất lượng của các nhóm xã hội chủ yếu trong xã hội. *Thứ hai* là, sự thay đổi của mối quan hệ qua lại giữa các nhóm cơ bản này. Sự thay đổi trên hai phương diện đó phản ánh cơ hội phát triển, nhất là trong vấn đề nguồn nhân lực, nguồn vốn con người - cơ sở quan trọng nhất của phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Trong 30 qua, Việt Nam đã từ bỏ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp để xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chủ động, tích cực, hội nhập quốc tế. Quá trình này đã dẫn đến sự thay đổi của cơ cấu xã hội. Xét về mặt cơ cấu giai cấp đã có những thay đổi sâu sắc trong tất cả các thành phần giai cấp, từ giai cấp công nhân, nông dân, đến tầng lớp trí thức.

Giai cấp công nhân đã có những bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Về mặt số lượng, theo số liệu của

Tổng cục Thống kê, nếu năm 2005, số lượng người lao động làm việc trong các loại hình doanh nghiệp trên cả nước chỉ khoảng 6,07 triệu thì con số này tăng lên đến 7,94 triệu năm 2008; 8,70 triệu năm 2009; 9,83 triệu năm 2010 và 10,89 triệu năm 2011⁽³⁾. Như vậy, chỉ trong vòng 6 năm, từ năm 2005 đến 2011, số lao động trong các doanh nghiệp trên cả nước đã tăng gần 5 triệu người. Về mặt chất lượng, công nhân qua đào tạo có tăng lên, nhưng tỷ lệ không lớn. Chỉ tính 4 năm, từ 2009 đến 2012, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo và đang làm việc trong nền kinh tế tương ứng là 14,8%; 14,6%; 15,4%; và 16,6%⁽⁴⁾. Trong giai đoạn hiện nay, mặc dù chỉ chiếm khoảng 11% tổng số dân cư của cả nước, nhưng lực lượng này đã làm ra phần lớn sản phẩm của xã hội, ước tính chiếm khoảng 60% tổng sản phẩm xã hội và đóng góp hơn 70% ngân sách nhà nước⁽⁵⁾. Đó là những chỉ báo minh chứng cho tầm quan trọng của giai cấp công nhân đối với nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

⁽²⁾ Scott, John and Gordon Marshall (2005), *Oxford Dictionary of Sociology*, Oxford: Oxford University Press, p. 644.

⁽³⁾ Tổng cục Thống kê (2013), *Niên giám thống kê*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr. 210.

⁽⁴⁾ Tổng cục Thống kê (2013), *Niên giám thống kê*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr.122.

⁽⁵⁾ Phạm Văn Nhuận (2013) "Có đúng là giai cấp công nhân hiện nay không còn sứ mệnh lịch sử?" Tạp chí Cộng sản (<http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Xay-dung-giai-cap-cong-nhan/2013/24144/Co-dung-la-giai-cap-cong-nhan-hien-nay-khong-con-su.aspx>).

Giai cấp nông dân tăng mạnh về mặt số lượng song lại giảm tỷ trọng trong dân cư. Sự sụt giảm tỷ trọng nông dân trong dân cư phản ánh quá trình chuyển đổi lao động trong các lĩnh vực phi nông nghiệp. Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VI được tổ chức vào ngày 1 tháng 7 năm 2013 cho thấy, nông dân chiếm gần 70% dân số cả nước (khoảng 63 triệu người trong tổng số khoảng 90 triệu người hiện nay), và hơn 50% lực lượng lao động xã hội. Số hội viên của Hội Nông dân Việt Nam có gần 10,5 triệu người⁽⁶⁾. Tuy nhiên, tỷ lệ nông dân giảm so với dân số cả nước là kết quả của các dòng di cư nông thôn/đô thị diễn ra rất mạnh mẽ trong quá trình đổi mới. Quá trình di dân từ nông thôn ra đô thị là quá trình biến người nông dân và con cái của họ thành người thị dân/người công nhân. *Về chất lượng giai cấp nông dân*, có hai chỉ báo quan trọng cần được nhấn mạnh. *Thứ nhất*, thành tựu to lớn của giai cấp nông dân trong việc đưa nước ta từ một nước thiếu lương thực ở giai đoạn trước đổi mới thành một nước xuất khẩu lương thực hàng đầu thế giới, nhất là trong lĩnh vực xuất khẩu gạo. *Thứ hai*, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ vượt bậc trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Đóng góp vào thành công này có nhiều nhân tố và thành phần xã hội, trong đó phải kể đến giai cấp nông dân. Tuy nhiên, cũng cần phải nói rằng, chất lượng của giai cấp nông dân, mà chỉ báo cơ bản là năng suất lao động của lực lượng này, còn có nhiều hạn chế. Mặc dù nông nghiệp, lâm

ng nghiệp, thủy sản là lĩnh vực có số lao động lớn nhưng giá trị tổng sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chỉ chiếm khoảng từ 18% đến 20% trong cơ cấu các khu vực kinh tế (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; dịch vụ)⁽⁷⁾. Chất lượng sản phẩm nông nghiệp cũng chưa có tính cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế - ngay cả đối với mặt hàng gạo xuất khẩu⁽⁸⁾.

Về tầng lớp trí thức, đây là lực lượng quan trọng trong quá trình phát triển nền kinh tế tri thức, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Điều này được khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X: "Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây

⁽⁶⁾ Nhân Dân (2013), "Xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam vững mạnh" Báo *Nhân Dân điện tử* (<http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/xa-luan/item/20668502-xay-dung-giai-cap-nong-dan-viet-nam-vung-manh.html>).

⁽⁷⁾ Tổng cục thống kê (2013), *Niên giám thống kê*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr. 122.

⁽⁸⁾ "Nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản", Báo *Nhân Dân điện tử*, (http://www.nhandan.com.vn/mobile/_mobile_kinhhte/_mobile_hoinhap/item/12778302.html).

dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững”⁽⁹⁾. Trên thực tế, tầng lớp trí thức Việt Nam đã có sự phát triển nhanh về số lượng và chất lượng. Về mặt số lượng, tỷ lệ người hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ trong tổng số lao động 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo và đang làm việc trong nền kinh tế (theo số liệu của Tổng cục Thống kê) là 63,4% năm 2009; 65,2% năm 2010; 73,0% năm 2011; và 75,9% năm 2012⁽¹⁰⁾. Đối với lực lượng trí thức tinh hoa, được hiểu theo nghĩa hẹp là đội ngũ thạc sĩ, tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư, theo thống kê của Bộ Khoa học - Công nghệ thì cả nước hiện có 24.300 tiến sĩ và 101.000 thạc sĩ. So với năm 1996, đội ngũ này tăng trung bình 11,6%/năm, trong đó tiến sĩ tăng 7%/năm, thạc sĩ tăng 14%/năm.⁽¹¹⁾ Về số lượng phó giáo sư, giáo sư, theo số liệu của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước thì từ năm 1976 đến năm 2013, tổng số giáo sư, phó giáo sư đã được công nhận ở nước ta là 10.453, trong đó có 1.569 giáo sư và 8.884 phó giáo sư⁽¹²⁾. Nếu chỉ xét trong giai đoạn 5 năm, từ năm 2009 đến năm 2013, sau 5 đợt xét và công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư thì số lượng người đã được công nhận đạt tiêu chuẩn là 2.744 người, trong đó có 269 giáo sư⁽¹³⁾ chiếm 17% và 2.475 phó giáo sư chiếm khoảng 1/3 tổng số người đã được bổ nhiệm hoặc công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh này từ trước đến nay. Những con số trên đây chứng tỏ trong giai đoạn đổi mới, nhất là những năm gần đây, số lượng tầng lớp trí thức, trước hết là đội ngũ trí thức tinh hoa có

trình độ chuyên môn cao (giáo sư, phó giáo sư) đã gia tăng nhanh chóng. Tuy nhiên, chưa có sự phù hợp giữa những người giữ các chức danh này và công việc của họ. Cụ thể là, trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (lĩnh vực hoạt động chủ yếu của các giáo sư, phó giáo sư) lại có tỷ lệ tương đối thấp. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2012, số giảng viên đại học trong toàn quốc là gần 59.700, trong đó chỉ có 348 giáo sư và 2.224 phó giáo sư⁽¹⁴⁾. Như vậy, một

⁽⁹⁾ Ban Chấp hành TW (2008), "Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCH TW khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước" *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, (http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30668&cn_id=243149).

⁽¹⁰⁾ Tổng cục Thống kê (2013), *Niên giám Thống kê*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr. 122.

⁽¹¹⁾ Chi Mai (2014), "24.000 tiến sĩ Việt Nam đang làm gì?" *Vietnamnet* (<http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/164238/24-000-tien-si-viet-nam-dang-lam-gi-.html>).

⁽¹²⁾ Trần Văn Nhung (2013), "Báo cáo của GS. Trần Văn Nhung tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám", *Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước* (<http://www.hdcgsgn.gov.vn/news/detail/tabid/77/newsid/357/seo/Bao-cao-cua-GS-Tran-Van-Nhung-tai-Van-Mieu-Quoc-Tu-Giam/language/vi-VN/Default.aspx>).

⁽¹³⁾ Trần Văn Nhung (2013) "Báo cáo của GS. Trần Văn Nhung tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám", *Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước* (<http://www.hdcgsgn.gov.vn/news/detail/tabid/77/newsid/357/seo/Bao-cao-cua-GS-Tran-Van-Nhung-tai-Van-Mieu-Quoc-Tu-Giam/language/vi-VN/Default.aspx>).

⁽¹⁴⁾ Trần Văn Nhung (2013), "Báo cáo của GS. Trần Văn Nhung tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám", *Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước* (<http://www.hdcgsgn.gov.vn/news/detail/tabid/77/newsid/357/seo/Bao-cao-cua-GS-Tran-Van-Nhung-tai-Van-Mieu-Quoc-Tu-Giam/language/vi-VN/Default.aspx>).

số lượng lớn giáo sư, phó giáo sư – những người được bổ nhiệm để làm công việc giảng dạy ở bậc đại học lại không phải là giảng viên đại học. Đây là một tình trạng mất cân đối về mặt cơ cấu đội ngũ trí thức tinh hoa xét theo tiêu chí lĩnh vực công tác. Sự mất cân đối này dẫn đến suy giảm năng suất làm việc hay hạn chế về mặt chất lượng của đội ngũ giáo sư, phó giáo sư do không có môi trường làm việc phù hợp với chức danh được bổ nhiệm. Một trong những chỉ báo quan trọng phản ánh hạn chế của đội ngũ trí thức là số lượng còn khiêm tốn các bằng sáng chế, các bài báo được công bố trên những tạp chí chuyên ngành có uy tín của thế giới. Trong năm 2013, số lượng các bài báo do các nhà khoa học Việt Nam công bố trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trên thế giới (thuộc thư mục ISI) chỉ khoảng 2100 bài⁽¹⁵⁾. Vấn đề đặt ra đối với tầng lớp trí thức hiện nay là phải làm sao để nâng cao hơn nữa năng suất và hiệu quả nghiên cứu khoa học - một trong những yếu tố quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Về tầng lớp doanh nhân, Nghị quyết Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (năm 2003) là văn bản đầu tiên của Đảng trong giai đoạn đổi mới đã khẳng định vai trò của doanh nhân và nhất quán chỉ đạo “coi trọng vai trò của các doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện khung pháp lý chung để các nhà doanh nghiệp yên tâm phát triển sản xuất - kinh doanh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức hiệp hội các nhà doanh

nh nghiệp”⁽¹⁶⁾. Một trong những chủ trương quan trọng về phát triển đội ngũ doanh nhân là Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 9 tháng 12 năm 2011 về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã chỉ ra rằng “Đội ngũ doanh nhân là lực lượng có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao, sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế”⁽¹⁷⁾.

Trong 30 năm qua, số lượng doanh nhân đã tăng lên nhanh chóng. Theo Tổng cục Thống kê, số lượng doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh gia tăng từ 106.616 doanh nghiệp năm 2005; 192.179 năm 2008; 236.584 năm 2009; 279.360 năm 2010; lên 324.691 năm 2011⁽¹⁸⁾, tăng hơn 3 lần so với năm 2005. Sự tăng trưởng nhanh về mặt số lượng của đội ngũ doanh nhân Việt Nam

⁽¹⁵⁾ Nguyễn Văn Tuấn (2014), "Thống kê về giáo sư, tiến sĩ ở Việt Nam", *nguyenvantuan.org* (<http://www.nguyenvantuan.org/tin-tuc/thong-ke-ve-giao-su-tien-si-o-viet-nam.aspx#.U1c9TqJZr1Z>).

⁽¹⁶⁾ http://www.dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30580&cn_id=36814

⁽¹⁷⁾ Ban Chấp hành Trung ương (2003), "Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX số 23-NQ/TW", *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam* (http://www.dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30580&cn_id=36814#)

⁽¹⁸⁾ Tổng cục Thống kê (2013), *Niên giám thống kê*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr. 202..

- những người quản lý, lãnh đạo các doanh nghiệp. Theo Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, năm 2010, đội ngũ doanh nhân cả nước có gần 2,5 triệu người⁽¹⁹⁾. Đội ngũ này đã đóng góp trên 60% GDP, 70% nguồn thu ngân sách nhà nước, thu hút trên 7,4 triệu lao động, chiếm 16,3% lực lượng lao động của toàn xã hội⁽²⁰⁾. Tuy nhiên, năng lực, tài năng của tầng lớp doanh nhân cần được phát triển, phát huy hơn nữa mới đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của sự phát triển đất nước. Bởi vì, trên thực tế Việt Nam chưa có doanh nghiệp đạt tầm cỡ khu vực và thế giới. Sức cạnh tranh của một bộ phận không nhỏ các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn rất thấp. Nhiều doanh nghiệp lớn của nhà nước hoạt động không hiệu quả, tạo gánh nặng cho nền kinh tế đất nước. Thực tế này đòi hỏi các doanh nhân phải vươn lên để đảm đương trọng trách lãnh đạo, điều hành, xây dựng, phát triển doanh nghiệp có sức cạnh tranh cao, có tinh thần dân tộc, có trách nhiệm xã hội, hội nhập thành công vào nền kinh tế toàn cầu, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Biến đổi phân tầng xã hội

Cùng với biến đổi cơ cấu giai cấp, phân tầng xã hội có sự thay đổi to lớn. Trong thời kỳ đổi mới, cơ chế quản lý cũ được dỡ bỏ cùng với việc thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự phân tầng xã hội mới bộc lộ rõ ràng và ngày càng trở nên sâu sắc. Trong gần 30 năm đổi mới, xã hội Việt Nam đã chuyển biến từ một xã hội mà sự phân

tầng (nhất là sự phân tầng xét dưới góc độ kinh tế) chưa rõ nét thành một xã hội có cấu trúc tầng bậc rõ ràng, chuyển đổi từ một xã hội mà mọi người sàn sàn ngang nhau sang một xã hội có nhiều tầng nấc khác nhau về thu nhập, mức sống, địa vị kinh tế, hưởng thụ văn hóa, quyền lực chính trị và uy tín xã hội.

Trong đó, điểm đáng lưu ý là sự xuất hiện của tầng lớp trung lưu ở Việt Nam. Theo một báo cáo được công bố vào cuối năm 2013 của Tập đoàn tư vấn Boston (The Boston Consulting Group - BCG) của Hoa Kỳ thì tầng lớp trung lưu ở Việt Nam đang tăng mạnh. Dự báo đến năm 2020, tầng lớp trung lưu và giàu có ở Việt Nam sẽ tăng gấp đôi so với năm 2012, tăng từ 12 triệu người năm 2012 lên 33 triệu người vào năm 2020⁽²¹⁾. BCG cho rằng, mức thu nhập của tầng lớp trung lưu và giàu có ở Việt Nam năm 2012 là 190 USD/tháng trở lên. Với mức thu nhập này, tầng lớp trung lưu và giàu có ở Việt Nam tạo ra sự chuyển biến/đột phá về sức mua/mức chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ⁽²²⁾.

Do những đặc điểm về tri thức, kỹ

(19),(20) Vũ Tiến Lộc (2010), "Chủ tịch VCCI Vũ Tiến Lộc: Doanh nhân Việt Nam đại diện cho sức sản xuất mới", *Diễn đàn Doanh nghiệp*, (<http://dddn.com.vn/hoi-thao-chu-tich-ho-chi-minh-voi-doanh-nghiep-doanh-nhan/chu-tich-vcci-vu-tien-loc-doanh-nhan-viet-nam-dai-dien-cho-suc-san-xuat-moi-20101007095013955.htm>).

(21),(22) Bharadwaj, Aparna, Douglas Jackson, Vaishali Rastogi, and Tuomas Rinne (2013), "Vietnam and Myanmar: Southeast Asia's New Growth Frontiers" *bbc.perspectives by the The Boston Consulting Group* (https://www.bcgperspectives.com/content/articles/consumer_insight_growth_vietnam_myanmar_southeast_asia_new_growth_frontier/).

năng lao động, nghề nghiệp, thu nhập, sở hữu tài sản,... nên tầng lớp trung lưu có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế và xã hội trên nhiều phương diện. *Thứ nhất*, tầng lớp trung lưu tạo ra sản phẩm có số lượng lớn, chất lượng cao cho nền kinh tế. *Thứ hai*, tầng lớp trung lưu là những người đóng thuế nhiều nhất cho ngân sách quốc gia. *Thứ ba*, tầng lớp trung lưu cũng chính là nhóm xã hội tiêu dùng nhiều, gửi tiền tiết kiệm nhiều, sử dụng tín dụng nhiều. Như vậy, tầng lớp trung lưu là nhóm xã hội đóng vai trò bệ đỡ và nuôi dưỡng nền kinh tế. Ngoài ra, tầng lớp trung lưu là lực lượng xã hội rất năng động. Bởi vì, muốn duy trì được địa vị kinh tế, những cá nhân thuộc tầng lớp trung lưu phải luôn nỗ lực, sáng tạo để kiếm tiền và giữ gìn tài sản. Vì vậy, sự phát triển nhanh chóng của tầng lớp trung lưu ở Việt Nam hiện nay là một trong những điều kiện tiên quyết/quan trọng để phát triển kinh tế xã hội Việt Nam. Vấn đề đặt ra là *phải có chính sách, cơ chế phù hợp để xây dựng, phát triển tầng lớp trung lưu làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Việt Nam trong chặng đường sắp tới.*

4. Gia tăng bất bình đẳng xã hội

Mặc dù có những tiến bộ vượt bậc về tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo, sự chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp trong xã hội vẫn là một vấn đề rất đáng lo ngại. Đồng thời, đi liền với tăng trưởng kinh tế và giảm đói nghèo, phân tầng xã hội đã làm gia tăng bất bình đẳng xã hội.

Thu nhập bình quân của nhóm 20% người giàu nhất so với thu nhập của

nhóm 20% người nghèo nhất đã tăng từ 7 lần lên 8,5 lần trong giai đoạn 2004 - 2010⁽²³⁾. Năm 2012, nhóm hộ nghèo nhất có mức thu nhập bình quân là 512.000 đồng/tháng/người, trong khi đó, nhóm hộ giàu nhất có mức thu nhập bình quân là 4,8 triệu đồng/người/tháng⁽²⁴⁾. Một điều đáng lưu ý nữa là bất bình đẳng về thu nhập giữa các nhóm dân cư ở các khu vực địa lý khác nhau. Năm 2012, trong khi tỷ lệ hộ nghèo ở TP.Hồ Chí Minh chỉ là 0,00033%; Đồng Nai là 0,91%; Đà Nẵng là 0,97%; Hà Nội là 1,52% thì tỷ lệ hộ nghèo ở Điện Biên là 38,25%; Lai Châu là 31,82%; Hà Giang là 30,13%; Cao Bằng là 28,22%; và Yên Bái là 29,23%⁽²⁵⁾. Năm 2012, thu nhập bình quân đầu người ở khu vực đô thị là 3 triệu đồng/tháng; ở nông thôn là 1,6 triệu đồng/tháng⁽²⁶⁾. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới thì tình trạng phân hóa giàu nghèo tại Việt Nam đang chuyển dần từ mức tương đối bình đẳng (năm 2002) sang mức chênh lệch thu nhập ngày càng tăng, và đang chạm mức độ

⁽²³⁾ Vũ Hạnh (2013), "Chênh lệch giàu nghèo ở Việt Nam lên tới 9,5 lần", *Đài Tiếng nói Việt Nam* (<http://vov.vn/Xa-hoi/Chenh-lech-giau-ngheo-o-Viet-Nam-len-toi-95-lan/296156.vov>).

⁽²⁴⁾ VT (2014), "Công bố kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2012", *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam* (http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=10004&cn_id=638976).

⁽²⁵⁾ Trần Gia Long (2013), "Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2012 ở Việt Nam", *Bộ Phát triển Nông nghiệp và Nông thôn - Vụ Kế hoạch* (<http://vukehoach.mard.gov.vn/Default.aspx?id=1283>).

⁽²⁶⁾ VT (2014), "Công bố kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2012", *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam* (http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=10004&cn_id=638976).

nguy hiểm⁽²⁷⁾. Những con số này cho thấy khoảng cách giàu nghèo, hay bất bình đẳng về thu nhập hiện nay là một điều cần đặc biệt chú ý.

Hệ quả của bất bình đẳng về thu nhập là sự khác biệt rõ ràng về chất lượng sống giữa nhóm người giàu và nhóm người nghèo. Kết quả khảo sát của Tổng cục Thống kê về mức sống dân cư năm 2010 cho thấy, tỷ lệ không có bằng cấp hoặc chưa bao giờ đến trường của người từ 15 tuổi trở lên ở nhóm hộ nghèo nhất là 38,1%, cao hơn 4,6 lần so với nhóm hộ giàu nhất. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có bằng cao đẳng trở lên thuộc nhóm hộ giàu nhất gấp 121 lần nhóm hộ nghèo nhất. Chỉ tiêu cho y tế, chăm sóc sức khỏe bình quân 1 người/tháng của nhóm hộ giàu nhất cao gấp 3,6 lần so với nhóm hộ nghèo nhất, của hộ thành thị cao gấp 1,4 lần so với hộ nông thôn. Chỉ tiêu cho đời sống sinh hoạt của nhóm hộ giàu nhất cao gấp 4,6 lần so với nhóm hộ nghèo nhất⁽²⁸⁾. Cùng với các số liệu điều tra được công bố chính thức, quan sát thực tế cũng thấy rõ nhiều yếu tố phản ánh sự bất bình đẳng trong đời sống thường ngày giữa nhóm giàu và nhóm nghèo. Chẳng hạn, như nhóm nghèo thường sống trong những căn nhà tồi tàn, thiếu tiện nghi, thiếu thiết bị hiện đại phục vụ cuộc sống, đồng thời ít có cơ hội sử dụng các dịch vụ văn hóa tinh thần. Thực trạng này dẫn đến hàng loạt hệ quả xã hội tiềm tàng. Thứ nhất, người nghèo/nhóm nghèo cảm thấy bị thiệt thòi và dễ có tâm lý bất mãn đối với thực trạng bất bình đẳng xã hội và suy giảm lòng tin đối với chế độ. Thứ hai, bất bình đẳng xã hội cũng làm gia tăng

khoảng cách xã hội giữa nhóm giàu và nhóm nghèo, dẫn đến liên hệ lỏng lẻo hay thiếu sự gắn gũi, đoàn kết giữa các nhóm xã hội. Thứ ba, bất bình đẳng xã hội và khoảng cách giàu nghèo gia tăng trở thành môi trường thuận lợi cho tệ nạn và tội phạm phát triển.

5. Kết luận

Sau gần 30 năm đổi mới, Việt Nam đã có những bước tiến dài trên con đường phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội đất nước và hội nhập quốc tế. Quá trình đổi mới này đã làm biến chuyển sâu sắc xã hội Việt Nam trên nhiều phương diện từ thay đổi cơ cấu xã hội, thay đổi phân tầng xã hội, đến gia tăng bất bình đẳng xã hội.

Trước thực trạng đó, để phát triển bền vững xã hội Việt Nam, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập và đời sống cho nhóm hộ nghèo và cận nghèo, chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội cần được quan tâm phát triển phù hợp, nhằm hóa giải những nhân tố tiềm tàng tạo nên mất ổn định và cản trở sự phát triển xã hội. Đó là yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra đối với các nhà hoạch định chính sách và thực thi chính sách xã hội, mà trước hết là đối với các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội của đất nước.

⁽²⁷⁾ "Tiếp cận nghèo đa chiều - chìa khóa để giảm nghèo bền vững", Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội: Trang thông tin quốc gia về giảm nghèo bền vững (<http://giamngheo.molisa.gov.vn/VN/NewsDetail.aspx?ID=70&CateID=75>).

⁽²⁸⁾ "Kết quả Khảo sát Mức sống dân cư năm 2010", Trung tâm Tư liệu Thống kê - Tổng Cục Thống kê Việt Nam (<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&idmid=5&ItemID=12425>).

